

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày: 29-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hải Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST - HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/HSST-QĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng Q, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ N, khu A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Lệ C, có 02 con, con lớn sinh năm xxxx, con nhỏ sinh năm xxxx; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/8/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị hại: anh Phạm Thế S, sinh năm xxx; nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đoàn Như C, sinh năm xxxx; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ C1, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ N, khu A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

+ Chị Dương Thị T, sinh năm xxxx và anh Ngô Hải T1, sinh năm xxxx; cùng nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: anh Hoàng Trọng K, anh Bùi Văn T, anh Đồng Xuân T3, anh Đặng Đức A, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu, Nguyễn Hồng Q nảy sinh ý định thuê xe ô tô rồi chiếm đoạt đem bán. Khoảng 16 giờ ngày 23/7/2024, Q đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái Ruby Flower tại số H đường Lê Thanh Nghị, phường C, thành phố C gặp chị Dương Thị T, chủ cửa hàng. Q nói dối cần thuê xe của chị T để sử dụng. Tin tưởng Q nói thật nên chị T đã đồng ý cho thuê xe và đưa hợp đồng để Q ký (đã được anh Ngô Hải T1, chồng chị T ký sẵn), đồng thời giao cho Q chiếc xe ô tô Ford bán tải biển kiểm soát (BKS) 14C-xxx.xx (nguồn gốc xe này là của anh Phạm Thế S giao cho vợ chồng anh T1, chị T quản lý, sử dụng), kèm theo giấy tờ; thời hạn thuê từ ngày 23 đến ngày 25/7/2024, với giá 1.000.000 đồng/ngày. Nhằm tạo niềm tin, Q còn để lại chiếc xe mô tô BKS 14N1- xxx.xx và căn cước công dân. Ngay sau khi nhận được xe, Q rủ bạn là anh Hoàng Trọng K điều khiển xe chở Q đến thành phố Hải Phòng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Q đem bán chiếc xe trên cho anh Đoàn Như C tại xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, với giá 500.000.000 đồng. Khi bán, Q nói dối xe mua của người khác, chưa kịp làm thủ tục sang tên đổi chủ, nên hai bên thống nhất: anh C sẽ đưa trước cho Q 250.000.000 đồng (trả 160.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 90.000.000 đồng vào tài khoản của Q mở tại Ngân hàng BIDV); số tiền còn lại anh C sẽ T1 toán hết sau khi Q hoàn thiện thủ tục sang tên xe.

Mặc dù đã bán xe, để tránh bị nghi ngờ, Q vẫn gọi điện cho chị T nói dối xin gia hạn thuê xe. Đến ngày 04/8/2024, anh T1 kiểm tra phát hiện thiết bị định vị xe bị tháo từ ngày 01/8/2024 nên gặp hỏi Q thì Q nói đã mang xe đi cầm cố lấy 250.000.000 đồng. Ngày 05/8/2024, anh T1 đến Công an thành phố C trình báo. Cùng ngày, anh C giao nộp xe ô tô BKS 14C- xxx.xx. Chị T giao nộp xe mô tô BKS 14N1- xxx.xx.

Tại Kết luận định giá số 99/KL-HĐĐGTX ngày 13/8/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C, kết luận: giá trị chiếc xe ô tô BKS 14C- xxx.xx, nhãn hiệu Ford, loại Ranger, năm sản xuất 2016, mang tên Phạm Thế S, tại thời điểm ngày 23/7/2024 là 293.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1607/KL-KTHS ngày 15/10/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ ký mang tên “Nguyễn Hồng Q” và chữ viết mang tên “Nguyễn Hồng Q” ký trong giấy mua bán xe ô tô và hợp đồng thuê xe tự lái là của Q viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng Q khai nhận hành vi phạm tội như trên. Q khai thêm: số tiền Q bán xe ô tô BKS 14C- xxx.xx, Q đã dùng để trả nợ và ăn tiêu hết; Q tự ý mang xe mô tô BKS 14N1- xxx.xx là phương tiện đi lại của gia đình, đến cửa hàng của chị T để tạo niềm tin nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Bị hại anh Phạm Thế S có lời khai, quan điểm thể hiện: xe ô tô Ford bán tải BKS 14C- xxx.xx là của anh, do không có nhu cầu sử dụng nên anh đã làm giấy ủy quyền giao cho vợ chồng anh Ngô Hải T1, chị Dương Thị T được toàn quyền quản lý, sử dụng. Việc bị cáo Q lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô của anh sau này anh mới được biết. Anh hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì về việc cơ quan điều tra trả lại xe ô tô BKS 14C- xxx.xx cho vợ chồng anh T1, chị T và việc anh T1, chị T bỏ tiền để thuê vận chuyển xe về, chi phí sửa xe. Quan điểm của anh về giải quyết vụ án: về phần bồi thường dân sự anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; về phần hình phạt anh đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai, quan điểm thể hiện:

Anh Ngô Hải T1, chị Dương Thị T: anh, chị được anh Phạm Thế S làm giấy ủy quyền giao cho toàn quyền quản lý, sử dụng xe ô tô Ford bán tải BKS 14C-xxx.xx. Sau khi bị cáo Q lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô trên, anh chị đã phải bỏ ra số tiền 70.000.000 đồng để thuê vận chuyển xe về, sửa xe bị hỏng. Bị cáo Q đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho anh, chị số tiền 52.500.000 đồng; số tiền còn lại 17.500.000 đồng, anh, chị yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho anh, chị.

Anh Đoàn Như C: ngày 23/7/2024, Q mang xe ô tô Ford bán tải BKS 14C-xxx.xx đến xưởng của anh để bán, anh không biết xe này do Q lừa đảo mà có. Anh đồng ý mua với giá 500.000.000 đồng, trả trước 250.000.000 đồng (trả bằng tiền mặt 160.000.000 đồng, chuyển khoản 90.000.000 đồng vào tài khoản của Q). Sau khi biết thông tin chiếc xe trên do Q phạm tội mà có, anh đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Công an thành phố C. Nay anh yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho anh số tiền 250.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Lệ C1: chị là vợ của bị cáo Q, chị không biết việc chồng mình lừa đảo chiếm đoạt tài sản xe ô tô BKS 14C- xxx.xx. Sau khi sự việc xảy ra, chồng chị đã tích cực tác động chị bồi thường cho anh T1, chị T số tiền chi phí mà anh chị ấy đã bỏ ra để khắc phục xe; chị đã bồi thường được số tiền 52.500.000 đồng. Đối với xe mô tô BKS 14N1- xxx.xx là tài sản của gia đình chị, chị không biết việc chồng mình mang đi để tạo niềm tin thực hiện giao dịch thuê xe ô tô với anh T1, chị T; chiếc xe mô tô BKS 14N1- xxx.xx là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, nên chị đề nghị được trả lại.

Người làm chứng trong quá trình điều tra đều có lời khai về thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc của vụ án phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai nhận của bị cáo, bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 1147/CT-VKSCP ngày 19/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thừa nhận để giảm nhẹ tội cho mình nên trong quá trình điều tra bị cáo đã khai không đúng sự thật về việc cùng anh Hoàng Trọng K nảy sinh ý định thuê xe ô tô để mang đi bán, chia tiền cho anh K; bị cáo khẳng định tự mình thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội, không bàn bạc, rủ rờ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Như C và chị Nguyễn Thị Lệ C1 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2024.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung vào gnaan sách nhà nước 01 điện thoại thu giữ của bị cáo; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ C1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 14N1- xxx.xx.

Về bồi thường dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho anh Ngô Hải T1, chị Dương Thị T số tiền 17.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đoàn Như C số tiền 250.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Như C và chị Nguyễn Thị Lê C1 trình bày ý kiến: anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 250.000.000 đồng; chị C1 đề nghị được trả lại xe mô tô BKS 14N- xxx.xx.

Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để cải tạo bản thân thật tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng Q thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận bị truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; kết luận định giá, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: ngày 23/7/2024, tại phường Cẩm T3, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, do không có tiền ăn tiêu, Nguyễn Hồng Q đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô để bán. Q dùng thủ đoạn gian dối, tạo niềm tin, nói với chị Dương Thị T cần thuê xe ô tô để sử dụng. Tin lời Q, chị T đã cho Q thuê chiếc xe ô tô BKS 14C- xxx.xx trị giá 293.700.000 đồng. Ngay sau khi nhận được xe, Q đã liên hệ và bán chiếc xe cho anh Đoàn Như C lấy số tiền 250.000.000 đồng và ăn tiêu hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 1147/CT-VKSCP ngày 19/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng do hám lợi nên đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô BKS 14C- xxx.xx, trị giá 293.700.000 đồng của bị hại. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T1, chị T trên 2/3 số tiền phải bồi thường; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, BKS 14N1-xxx.xx là phương tiện đi lại của gia đình chị C1, chị C1 không biết việc bị cáo mang đi để giao dịch, tạo niềm tin với chị T, nhằm mục đích thực hiện hành vi phạm tội, nên trả lại cho chị C1 chiếc xe trên.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu đen, bị cáo dùng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 chiếc sim không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Như C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua xe ô tô BKS 14C- xxx.xx là 250.000.000 đồng; anh Ngô T1 H, chị Dương Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 17.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh C, vợ chồng anh T1, chị T. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp, nên được chấp nhận. Bị hại anh Phạm Thế S không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với hành vi của Q thuê xe bán tải BKS 14C- xxx.xx của anh Đặng Đức Anh rồi đem đi cầm cố. Tuy nhiên, đến khi vụ việc bị phát hiện, Q không bỏ trốn và đã khắc phục xong hậu quả, anh Đ không đề nghị xử lý hình sự đối với Q. Xét thấy, hành vi trên của Q là giao dịch dân sự nên không có căn cứ xử lý.

Đối với xe ô tô BKS 14C- xxx.xx của anh Phạm Thế S, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã quyết định trả lại cho anh T1, chị T (được anh S giao toàn quyền quản lý, sử dụng xe), anh S nhất trí và không có ý kiến gì về việc trả xe, nên quyết định trả xe của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C là có căn cứ, do đó không đề cập giải quyết.

Đối với việc anh Đoàn Như C đã mua xe ô tô BKS 14C- xxx.xx nhưng không biết nguồn gốc xe do Q phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ nội dung ghi hình có âm T1 lời khai của bị cáo; 01 USB lưu trữ nội dung ghi hình bị cáo đến giao dịch thuê xe tại cửa hàng của chị T, anh T1 vào ngày 23/7/2024 (không đánh số bút lục). Xét thấy nội dung trong đĩa DVD và USB là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hồng Q phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hồng Q 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2024.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q phải: bồi thường cho anh Đoàn Như C số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); bồi thường cho anh Ngô Hải T1 và chị Dương Thị T số tiền 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng của vụ án: căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu đen (điện thoại thu giữ của Nguyễn Hồng Q). Điện thoại đều đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc sim (không xác định số sim) trên sim có 4 dãy số: 8401, 2305, 2435, 9858 thu giữ của Nguyễn Hồng Q.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ C1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, biển kiểm soát 14N1- xxx.xx. Tình trạng xe: xe không có chìa khóa, có 02 gương chiếu hậu, số khung: RLHJC5263DY095431, số máy: JC52E-1293934, xe bị xước nhiều chỗ, han gỉ, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 75/BB-THA, ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh).

Về án phí: căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.375.000đ (mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai, báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đoàn Như C, chị Nguyễn Thị Lệ C1 biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT, CQTHAHS CA tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; bị hại; người có qlnv liên quan;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

